

# CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

|                                      | <b>Trang</b> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC             | 1 – 2        |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP            | 3 – 4        |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  |              |
| Bảng cân đối kế toán                 | 5 – 6        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7            |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | 8            |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính    | 9 – 32       |

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Trường Sơn 532 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u>            | <u>Chức vụ</u> |
|-----------------------|----------------|
| Ông Đặng Văn Quân     | Chủ tịch       |
| Ông Vũ Đức Dũng       | Thành viên     |
| Ông Ngô Văn Hoàn      | Thành viên     |
| Ông Trương Xuân Thành | Thành viên     |
| Ông Bùi Xuân Chiến    | Thành viên     |

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u>          | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------|----------------|
| Ông Phạm Văn Sơn    | Trưởng ban     |
| Ông Trần Đức Tú     | Thành viên     |
| Ông Nguyễn Văn Toàn | Thành viên     |

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u>            | <u>Chức vụ</u> |
|-----------------------|----------------|
| Ông Vũ Đức Dũng       | Giám đốc       |
| Ông Trương Xuân Thành | Phó Giám đốc   |
| Ông Nguyễn Văn Toàn   | Phó Giám đốc   |
| Ông Ngô Văn Hoàn      | Phó Giám đốc   |

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



**Vũ Đức Dũng**

**Giám đốc**

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2020



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ AFA**  
**AFA AUDIT AND APPRAISAL COMPANY LIMITED**

142 Xo Viet Nghe Tinh Street, Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau District, Danang City, Vietnam  
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@afac.com.vn | Web: www.afac.com.vn

Số: 84/2020/BCKT-AFA

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Trường Sơn 532 (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24/03/2020 từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Trường Sơn 532 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phạm Quang Trung**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1334-2018-240-1

**Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA**  
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2020

**Phan Thị Lan Trang**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1936-2018-240-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | TM         | Tại ngày 31/12/2019    | Tại ngày 01/01/2019    |
|---|------------|------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                      | <b>100</b> |            | <b>180.993.362.103</b> | <b>180.181.654.657</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>    | <b>110</b> | <b>4.1</b> | <b>5.285.062.656</b>   | <b>30.059.238.378</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |            | 5.285.062.656          | 27.323.356.428         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                   | 112        |            | -                      | 2.735.881.950          |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>            | <b>120</b> |            | -                      | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>         | <b>130</b> |            | <b>85.743.640.037</b>  | <b>80.847.262.142</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 131        | 4.2        | 64.368.143.125         | 68.802.330.547         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn             | 132        | 4.3        | 8.253.765.060          | 8.283.994.346          |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                       | 136        | 4.4        | 13.081.731.852         | 3.760.937.249          |
| 4. Tài sản thiếu chờ xử lý                      | 139        | 4.5        | 40.000.000             | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                         | <b>140</b> | <b>4.6</b> | <b>88.554.923.939</b>  | <b>67.469.718.060</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                 | 141        |            | 88.554.923.939         | 67.469.718.060         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho               | 149        |            | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                 | <b>150</b> |            | <b>1.409.735.471</b>   | <b>1.805.436.077</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 151        | 4.10       | 1.409.735.471          | 1.805.436.077          |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                      | 152        |            | -                      | -                      |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |            | <b>46.158.568.979</b>  | <b>63.662.751.456</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |            | <b>11.265.305.805</b>  | <b>27.622.349.732</b>  |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        | 4.2        | 10.663.105.805         | 14.950.361.508         |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        | 4.3        | 602.200.000            | 1.513.629.496          |
| 3. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | 4.4        | -                      | 11.158.358.728         |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |            | <b>26.595.888.806</b>  | <b>26.555.050.569</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | 4.7        | 26.595.888.806         | 26.555.050.569         |
| Nguyên giá                                      | 222        |            | 78.880.947.395         | 75.221.595.799         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                          | 223        |            | (52.285.058.589)       | (48.666.545.230)       |
| 2. Tài sản cố định vô hình                      | 227        |            | -                      | -                      |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |            | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |            | <b>7.864.595.108</b>   | <b>8.755.493.307</b>   |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        | 4.8        | 7.606.836.884          | 8.497.735.083          |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | 4.9        | 257.758.224            | 257.758.224            |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |            | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |            | <b>432.779.260</b>     | <b>729.857.848</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | 4.10       | 432.779.260            | 729.857.848            |
| 2. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |            | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>      | <b>270</b> |            | <b>227.151.931.082</b> | <b>243.844.406.113</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                                    | Mã số      | TM          | Tại ngày 31/12/2019    | Tại ngày 01/01/2019    |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                        | <b>300</b> |             | <b>184.742.823.249</b> | <b>204.125.609.570</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                        | <b>310</b> |             | <b>85.391.608.118</b>  | <b>132.533.505.938</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn               | 311        | 4.11        | 27.738.142.610         | 45.716.491.547         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn         | 312        | 4.12        | 942.882.272            | 89.487.800             |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước       | 313        | 4.13        | 5.667.211.642          | 10.583.977.024         |
| 4. Phải trả người lao động                   | 314        |             | 4.316.246.950          | 3.524.092.926          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                 | 315        | 4.14        | -                      | 48.505.000             |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                    | 319        | 4.15        | 5.494.266.833          | 15.952.283.192         |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn         | 320        | 4.16        | 41.232.857.811         | 56.618.668.449         |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                        | <b>330</b> |             | <b>99.351.215.131</b>  | <b>71.592.103.632</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                | 331        | 4.11        | 15.902.309.659         | 9.003.257.717          |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn          | 332        | 4.12        | 80.200.116.332         | 61.008.513.085         |
| 3. Phải trả dài hạn khác                     | 337        | 4.15        | 2.249.344.140          | 729.214.330            |
| 4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn          | 338        | 4.16        | 999.445.000            | 851.118.500            |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                     | <b>400</b> |             | <b>42.409.107.833</b>  | <b>39.718.796.543</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                     | <b>410</b> | <b>4.17</b> | <b>42.315.273.609</b>  | <b>39.488.115.999</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                    | 411        |             | 38.518.800.000         | 38.518.800.000         |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |             | 38.518.800.000         | 38.518.800.000         |
| Cổ phiếu ưu đãi                              | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối         | 421        |             | 3.796.473.609          | 969.315.999            |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước      | 421a       |             | 969.315.999            | -                      |
| LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 2.827.157.610          | 969.315.999            |
| <b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>          | <b>430</b> |             | <b>93.834.224</b>      | <b>230.680.544</b>     |
| 1. Nguồn kinh phí                            | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ         | 432        |             | 93.834.224             | 230.680.544            |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b> | <b>440</b> |             | <b>227.151.931.082</b> | <b>243.844.406.113</b> |



**Vũ Đức Dũng**  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2020

**Bùi Xuân Chiến**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Văn Toàn**  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Mẫu B 02 - DN****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | TM     | Năm 2019        | Năm 2018        |
|--|-------|--------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | 5.1    | 154.374.744.109 | 183.102.725.711 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | 5.2    | -               | 1.080.021.819   |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |        | 154.374.744.109 | 182.022.703.892 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | 5.3    | 136.314.611.578 | 168.245.527.720 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |        | 18.060.132.531  | 13.777.176.172  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | 5.4    | 72.328.722      | 70.712.346      |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | 5.5    | 3.764.143.933   | 3.667.051.467   |
| <i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>                   | 23    |        | 3.764.143.933   | 3.667.051.467   |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    |        | -               | -               |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | 5.6    | 9.865.957.537   | 8.619.366.422   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |        | 4.502.359.783   | 1.561.470.629   |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | 5.7    | 22.027.583      | 1.447.462.930   |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | 5.8    | 919.152.183     | 1.280.362.305   |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |        | (897.124.600)   | 167.100.625     |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |        | 3.605.235.183   | 1.728.571.254   |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 51    | 5.10   | 778.077.573     | 759.255.255     |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                     | 52    |        | -               | -               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |        | 2.827.157.610   | 969.315.999     |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | 4.17.5 | 734             | 252             |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | 4.17.6 | 734             | 252             |



**Vũ Đức Dũng**  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2020

**Bùi Xuân Chiến**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Văn Toàn**  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | TM  | Năm 2019                | Năm 2018               |
|---|-----------|-----|-------------------------|------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                 |           |     |                         |                        |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác          | 01        |     | 159.181.636.740         | 145.278.472.519        |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ               | 02        |     | (154.887.520.981)       | (96.396.192.021)       |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                                | 03        |     | (13.232.971.631)        | (11.761.913.308)       |
| 4. Tiền lãi vay đã trả  | 04        |     | (3.764.143.933)         | (3.667.051.467)        |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                              | 05        |     | (759.255.255)           | (847.587.471)          |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                          | 06        |     | 15.854.906.138          | 30.459.514.956         |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                         | 07        |     | (8.342.319.788)         | (54.771.376.535)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>              | <b>20</b> |     | <b>(5.949.668.710)</b>  | <b>8.293.866.673</b>   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                    |           |     |                         |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21        |     | (3.659.351.596)         | -                      |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia            | 27        |     | 72.328.722              | 70.712.346             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                  | <b>30</b> |     | <b>(3.587.022.874)</b>  | <b>70.712.346</b>      |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                |           |     |                         |                        |
| 1. Tiền thu từ đi vay   | 33        | 6.1 | 64.417.591.862          | 72.590.010.000         |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay  | 34        | 6.2 | (79.655.076.000)        | (77.094.432.046)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>               | <b>40</b> |     | <b>(15.237.484.138)</b> | <b>(4.504.422.046)</b> |
| <b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>                                 | <b>50</b> |     | <b>(24.774.175.722)</b> | <b>3.860.156.973</b>   |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                                  | 60        |     | 30.059.238.378          | 26.199.081.405         |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ           | 61        |     | -                       | -                      |
| <b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>                          | <b>70</b> |     | <b>5.285.062.656</b>    | <b>30.059.238.378</b>  |

**Vũ Đức Dũng**  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2020

**Bùi Xuân Chiến**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Văn Toàn**  
Người lập

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trường Sơn 532 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV 532 thuộc Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn theo Quyết định số 2797/QĐ-BQP ngày 17/07/2017 của Bộ Quốc phòng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401524441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 07/01/2013, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 02/02/2018

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 38.518.800.000 VND, được chi tiết như sau:

| Nhà đầu tư                       | Quốc gia/<br>Quốc tịch | Tại ngày 31/12/2019   |              | Tại ngày 01/01/2019   |              |
|----------------------------------|------------------------|-----------------------|--------------|-----------------------|--------------|
|                                  |                        | Giá trị<br>(VND)      | Tỷ lệ<br>(%) | Giá trị<br>(VND)      | Tỷ lệ<br>(%) |
| Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn | Việt Nam               | 26.392.240.000        | 68,52        | 26.392.240.000        | 68,52        |
| Các cổ đông khác                 | Việt Nam               | 12.126.560.000        | 31,48        | 12.126.560.000        | 31,48        |
| <b>Cộng</b>                      |                        | <b>38.518.800.000</b> | <b>100</b>   | <b>38.518.800.000</b> | <b>100</b>   |

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 164 người (31/12/2018: 196 người).

##### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và Sản xuất.

##### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Sản xuất các cấu kiện các loại;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng cầu, đường, đường sắt, đường ngầm, đường băng máy bay, đường cao tốc, đường ống;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, hệ thống thoát nước thải, trạm bơm và công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng nhà máy lọc dầu, xây dựng công trình đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, cửa sông, đập và đê, xây dựng đường hầm, công trình thể thao ngoài trời và công trình kỹ thuật dân dụng khác;

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện.

### **1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### **2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

### **2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

### **3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.3. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

#### ***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.4. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

#### 3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

##### *Phương pháp khấu hao*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

|                                  | <b>Năm 2019</b> |
|----------------------------------|-----------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 10 – 25 năm     |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 5 – 15 năm      |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 6 – 10 năm      |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 3 – 10 năm      |

#### 3.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### 3.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.8. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### **3.9. Chi phí đi vay**

#### ***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **3.10. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### **3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### ***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

#### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **3.12. Doanh thu, thu nhập khác**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.14 dưới đây.

### ***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **3.13. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

### **3.14. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

### **3.15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **3.16. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

### **3.18. Thuế**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

#### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

- Áp dụng mức thuế suất 10%.

#### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### **3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                            | Tại ngày<br>31/12/2019<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2019<br>VND |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt                   | 1.713.778.633                 | 240.583.382                   |
| Tiền gửi ngân hàng         | 3.571.284.023                 | 27.082.773.046                |
| Các khoản tương đương tiền | -                             | 2.735.881.950                 |
| <b>Cộng</b>                | <b>5.285.062.656</b>          | <b>30.059.238.378</b>         |

**4.2. Phải thu của khách hàng**

|   | Tại ngày<br>31/12/2019<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2019<br>VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>   |                               |                               |
| Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8 (*) | 15.406.327.481                | 5.242.862.235                 |
| Phải thu khách hàng khác                                      | 48.961.815.644                | 63.559.468.312                |
| + BQLDA ĐTXD Các công trình DD & CN Đà Nẵng                   | 6.892.186.315                 | 9.696.003.913                 |
| + BQLDA 46 - Bộ Tổng tham mưu                                 | 2.913.239.690                 | 5.120.318.304                 |
| + BQLDA KDC Kè Bắc sông Trà Bồng - Quảng Ngãi                 | 15.281.709.858                | 15.025.258.000                |
| + BQLDA san lấp mặt bằng đô thị mới KDL Thủy Tú               | -                             | 8.498.871.000                 |
| + BQLDA 05 trụ móng Nhà máy điện gió Bạc Liêu                 | -                             | 3.861.624.000                 |
| + BQLDA thăm BTN 2 - Đường dẫn cầu Rồng                       | -                             | 3.658.376.000                 |
| + CN Công ty CPTC và PTDN tại Miền Trung                      | 10.865.634.925                | -                             |
| + Các đối tượng khác  | 13.009.044.856                | 17.699.017.095                |
| <b>Cộng</b>   | <b>64.368.143.125</b>         | <b>68.802.330.547</b>         |
| <b>Dài hạn</b>  |                               |                               |
| Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8 (*) | -                             | 5.336.333.767                 |
| Phải thu khách hàng khác                                      | 10.663.105.805                | 9.614.027.741                 |
| + Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng               | 583.964.200                   | -                             |
| + BQLDA ĐTXD Công trình giao thông công cộng                  | 159.000.000                   | -                             |
| + BQLDA Thủy điện 3   | 936.081.126                   | -                             |
| + BQLDA 46 - Bộ Tổng tham mưu                                 | -                             | 3.656.124.438                 |
| + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trà Vinh             | -                             | 2.516.638.000                 |
| + Các đối tượng khác  | 8.984.060.479                 | 3.441.265.303                 |
| <b>Cộng</b>   | <b>10.663.105.805</b>         | <b>14.950.361.508</b>         |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.3. Trả trước cho người bán**

|   | Tại ngày<br>31/12/2019<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2019<br>VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                                 |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Philico Đà Nẵng | 3.295.807.196                 | -                             |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tuyệt Phát  | 1.613.935.390                 | -                             |
| Công ty CP Xây dựng và Thương mại Trinh Nhất    | -                             | 4.147.400.195                 |
| Công ty TNHH Kim Gia Hải                        | -                             | 1.600.000.000                 |
| Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Thiên Lộc Phát  | -                             | 980.000.000                   |
| Công ty TNHH TM XD & DV Sài Gòn Xanh            | -                             | 115.940.000                   |
| Các đối tượng khác                              | 3.344.022.474                 | 1.440.654.151                 |
|   | <b>8.253.765.060</b>          | <b>8.283.994.346</b>          |
| <b>Dài hạn</b>                                  |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Philico Đà Nẵng | -                             | 1.013.629.496                 |
| Tổng đội Thanh niên xung phong Trường Sơn       | 500.000.000                   | 500.000.000                   |
| Các đối tượng khác                              | 102.200.000                   | -                             |
|   | <b>602.200.000</b>            | <b>1.513.629.496</b>          |

**4.4. Phải thu khác**

|   | Tại ngày 31/12/2019<br>VND |          | Tại ngày 01/01/2019<br>VND |          |
|---|----------------------------|----------|----------------------------|----------|
|   | Giá trị                    | Dự phòng | Giá trị                    | Dự phòng |
| <b>Ngắn hạn:</b>  |                            |          |                            |          |
| Tạm ứng   | 426.400.165                | -        | 364.335.109                | -        |
| Phải thu khác đối với bên liên quan -<br>xem thêm mục 8 | 9.403.959.517              | -        | -                          | -        |
| Phải thu khác   | 2.461.071.578              | -        | 3.396.602.140              | -        |
| + Các đội   | 947.985.016                | -        | 1.022.263.066              | -        |
| + Quỹ khen thưởng phúc lợi                              | 467.279.626                | -        | 1.405.179.200              | -        |
| + Các đối tượng khác                                    | 1.045.806.936              | -        | 969.159.874                | -        |
| Ký cược, ký quỹ   | 790.300.592                | -        | -                          | -        |
|   | <b>13.081.731.852</b>      | <b>-</b> | <b>3.760.937.249</b>       | <b>-</b> |
| <b>Dài hạn:</b>   |                            |          |                            |          |
| Phải thu khác đối với bên liên<br>quan - xem thêm mục 8 | -                          | -        | 8.659.196.360              | -        |
| Phải thu về cổ phần hóa                                 | -                          | -        | 884.713.309                | -        |
| Các đối tượng khác                                      | -                          | -        | 877.280.005                | -        |
| Ký cược, ký quỹ   | -                          | -        | 737.169.054                | -        |
|   | <b>-</b>                   | <b>-</b> | <b>11.158.358.728</b>      | <b>-</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.5. Tài sản thiếu chờ xử lý**

|              | Tại ngày 31/12/2019 |                   | Tại ngày 01/01/2019 |          |
|--------------|---------------------|-------------------|---------------------|----------|
|              | VND                 |                   | VND                 |          |
|              | Số lượng            | Giá trị           | Số lượng            | Giá trị  |
| Hàng tồn kho |                     | 40.000.000        |                     | -        |
| <b>Cộng</b>  |                     | <b>40.000.000</b> |                     | <b>-</b> |

**4.6. Hàng tồn kho**

|                        | Tại ngày 31/12/2019   |          | Tại ngày 01/01/2019   |          |
|------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                        | VND                   |          | VND                   |          |
|                        | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu  | 1.211.013.652         | -        | 2.874.637.702         | -        |
| Chi phí SX, KD dở dang | 71.846.097.608        | -        | 58.849.233.694        | -        |
| Thành phẩm             | 15.497.812.679        | -        | 5.745.846.664         | -        |
| <b>Cộng</b>            | <b>88.554.923.939</b> | <b>-</b> | <b>67.469.718.060</b> | <b>-</b> |

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| Khoản mục                  | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc<br>VND | Máy móc,<br>thiết bị<br>VND | P/ tiện vận<br>tải, truyền dẫn<br>VND | T/bị, dụng<br>cụ quản lý<br>VND | Cộng<br>VND           |
|----------------------------|----------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá:                |                                  |                             |                                       |                                 |                       |
| Tại ngày 01/01/2019        | 6.698.883.599                    | 51.467.776.045              | 16.984.378.155                        | 70.558.000                      | 75.221.595.799        |
| Mua trong năm              | -                                | 2.732.060.687               | 927.290.909                           | -                               | 3.659.351.596         |
| Giảm trong năm             | -                                | -                           | -                                     | -                               | -                     |
| <b>Tại ngày 31/12/2019</b> | <b>6.698.883.599</b>             | <b>54.199.836.732</b>       | <b>17.911.669.064</b>                 | <b>70.558.000</b>               | <b>78.880.947.395</b> |
| Giá trị hao mòn lũy kế:    |                                  |                             |                                       |                                 |                       |
| Tại ngày 01/01/2019        | 3.614.506.161                    | 33.712.419.938              | 11.293.364.459                        | 46.254.672                      | 48.666.545.230        |
| Khấu hao trong năm         | 278.476.898                      | 2.413.253.508               | 921.785.092                           | 4.997.861                       | 3.618.513.359         |
| Giảm trong năm             | -                                | -                           | -                                     | -                               | -                     |
| <b>Tại ngày 31/12/2019</b> | <b>3.892.983.059</b>             | <b>36.125.673.446</b>       | <b>12.215.149.551</b>                 | <b>51.252.533</b>               | <b>52.285.058.589</b> |
| Giá trị còn lại:           |                                  |                             |                                       |                                 |                       |
| Tại ngày 01/01/2019        | 3.084.377.438                    | 17.755.356.107              | 5.691.013.696                         | 24.303.328                      | 26.555.050.569        |
| <b>Tại ngày 31/12/2019</b> | <b>2.805.900.540</b>             | <b>18.074.163.286</b>       | <b>5.696.519.513</b>                  | <b>19.305.467</b>               | <b>26.595.888.806</b> |

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2019 là 3.197.001.827 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.513.506.492 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.8. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

|  | Tại ngày 31/12/2019  |                        | Tại ngày 01/01/2019  |                        |
|--|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
|  | VND                  |                        | VND                  |                        |
|  | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi |
| Đầu tư xây dựng Khu gia đình Lữ đoàn 532 | 7.606.836.884        | -                      | 8.497.735.083        | -                      |
| <b>Cộng</b>                              | <b>7.606.836.884</b> | <b>-</b>               | <b>8.497.735.083</b> | <b>-</b>               |

**4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|                     | Tại ngày 31/12/2019<br>VND | Tại ngày 01/01/2019<br>VND |
|---------------------|----------------------------|----------------------------|
| Sửa chữa doanh trại | 257.758.224                | 257.758.224                |
| <b>Cộng</b>         | <b>257.758.224</b>         | <b>257.758.224</b>         |

**4.10. Chi phí trả trước**

|                                    | Tại ngày 31/12/2019<br>VND | Tại ngày 01/01/2019<br>VND |
|------------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Ngắn hạn:                          |                            |                            |
| Chi phí sửa chữa, xây dựng         | 53.825.608                 | 462.541.467                |
| Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng | 1.355.909.863              | 1.342.894.610              |
| <b>Cộng</b>                        | <b>1.409.735.471</b>       | <b>1.805.436.077</b>       |
| Dài hạn:                           |                            |                            |
| Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng | 426.196.686                | 703.905.866                |
| Lợi thế thương mại                 | 6.582.574                  | 25.951.982                 |
| <b>Cộng</b>                        | <b>432.779.260</b>         | <b>729.857.848</b>         |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.11. Phải trả người bán**

|   | Tại ngày 31/12/2019   |                          | Tại ngày 01/01/2019   |                          |
|---|-----------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
|   | VND                   |                          | VND                   |                          |
|   | Giá trị               | Số có khả năng<br>trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng<br>trả nợ |
| <b>Ngắn hạn</b>   |                       |                          |                       |                          |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và<br>Thương mại Phúc Đại Phát | 5.808.435.701         | 5.808.435.701            | 13.358.820.295        | 13.358.820.295           |
| Công ty CP Đầu tư Xây dựng và<br>Thương mại Quốc Tế         | 1.632.095.663         | 1.632.095.663            | 3.678.068.263         | 3.678.068.263            |
| Công ty TNHH Trung Tiến Gia Lai                             | 1.920.892.632         | 1.920.892.632            | 4.357.423.116         | 4.357.423.116            |
| Công ty TNHH MTV Hưng Gia Trịnh                             | 512.579.666           | 512.579.666              | 1.927.036.920         | 1.927.036.920            |
| Công ty TNHH TM & DV Vận tải<br>Toàn Khánh Khiêm            | 269.173.351           | 269.173.351              | 1.385.058.314         | 1.385.058.314            |
| Các đối tượng khác  | 17.594.965.597        | 17.594.965.597           | 21.010.084.639        | 21.010.084.639           |
| <b>Cộng</b>   | <b>27.738.142.610</b> | <b>27.738.142.610</b>    | <b>45.716.491.547</b> | <b>45.716.491.547</b>    |
| <b>Dài hạn</b>  |                       |                          |                       |                          |
| Công ty TNHH Phú Đại Phát                                   | 1.099.354.930         | 1.099.354.930            | 3.545.206.691         | 3.545.206.691            |
| Công ty TNHH Trung Tiến Gia Lai                             | 2.079.281.783         | 2.079.281.783            | 2.082.490.352         | 2.082.490.352            |
| Công ty Cổ phần Xây dựng<br>Nhật Tín                        | 1.618.284.430         | 1.618.284.430            | 1.718.284.430         | 1.718.284.430            |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và<br>Thương mại Phúc Đại Phát | 4.370.000.000         | 4.370.000.000            | -                     | -                        |
| Các đối tượng khác  | 6.735.388.516         | 6.735.388.516            | 1.657.276.244         | 1.657.276.244            |
| <b>Cộng</b>   | <b>15.902.309.659</b> | <b>15.902.309.659</b>    | <b>9.003.257.717</b>  | <b>9.003.257.717</b>     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.12. Người mua trả tiền trước**

|  | Tại ngày<br>31/12/2019<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2019<br>VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>Ngắn hạn:</b>   |                               |                               |
| Trả tiền trước hoạt động bán đá                            | 942.882.272                   | 89.487.800                    |
| <b>Cộng</b>  | <b>942.882.272</b>            | <b>89.487.800</b>             |
| <b>Dài hạn:</b>  |                               |                               |
| Người mua trả tiền trước là bên liên quan - xem thêm mục 8 | 70.931.392.332                | 52.711.846.085                |
| Người mua trả tiền trước dài hạn khác                      | 9.268.724.000                 | 8.296.667.000                 |
| + CN Công ty CPTC và PTDN tại Miền Trung                   | 7.208.865.000                 | -                             |
| + BQL Dự án 46 - Bộ Tổng tham mưu                          | -                             | 1.600.000.000                 |
| + Sở NN&PPTNT Trà Vinh (giai đoạn 2)                       | -                             | 5.696.667.000                 |
| + BQL Dự án Đê kè biển Kim Liên-Liên Chiểu (GD2)           | -                             | 1.000.000.000                 |
| + Các đối tượng khác                                       | 2.059.859.000                 | -                             |
| <b>Cộng</b>  | <b>80.200.116.332</b>         | <b>61.008.513.085</b>         |

**4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                            | Tại ngày<br>01/01/2019<br>VND | Trong năm<br>VND      |                       | Tại ngày<br>31/12/2019<br>VND |
|----------------------------|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------------|
|                            | Phải nộp                      | Phải nộp              | Đã nộp/Khấu trừ       | Phải nộp                      |
| Thuế GTGT                  | 9.649.006.309                 | 15.437.473.731        | 20.342.367.356        | 4.744.112.684                 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 759.255.255                   | 778.077.573           | 759.255.255           | 778.077.573                   |
| Thuế thu nhập cá nhân      | -                             | 1.598.497             | 1.465.163             | 133.334                       |
| Thuế tài nguyên            | 112.788.460                   | 532.729.789           | 557.247.198           | 88.271.051                    |
| Phí bảo vệ môi trường      | 62.927.000                    | 265.814.710           | 272.124.710           | 56.617.000                    |
| Lệ phí môn bài             | -                             | 3.000.000             | 3.000.000             | -                             |
| Thuế khác                  | -                             | 65.621.000            | 65.621.000            | -                             |
| <b>Cộng</b>                | <b>10.583.977.024</b>         | <b>17.084.315.300</b> | <b>22.001.080.682</b> | <b>5.667.211.642</b>          |



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.14. Chi phí phải trả**

|  | Tại ngày<br>31/12/2019<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2019<br>VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí Dự án thăm BTN đường Trường Sơn Đông | -                             | 48.505.000                    |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>-</b>                      | <b>48.505.000</b>             |

**4.15. Phải trả khác**

|  | Tại ngày<br>31/12/2019<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2019<br>VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>Ngắn hạn:</b>   |                               |                               |
| Phải trả ngắn hạn khác đối với bên liên quan -<br>xem thêm mục 8 | 1.333.216.565                 | 585.055.290                   |
| BHXH, BHYT, BHTN   | 12.592.169                    | -                             |
| Kinh phí công đoàn   | 359.257.811                   | 311.417.750                   |
| Phải trả về cổ phần hóa  | 2.172.853.339                 | 10.720.336.000                |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác                                | 1.616.346.949                 | 4.335.474.152                 |
| + Phải trả các đội trực thuộc                                    | 591.467.595                   | 1.446.763.188                 |
| + Phải trả các đối tượng khác                                    | 1.024.879.354                 | 2.888.710.964                 |
| <b>Cộng</b>  | <b>5.494.266.833</b>          | <b>15.952.283.192</b>         |
| <b>Dài hạn:</b>  |                               |                               |
| Kinh phí Kho nhiên liệu sẵn sàng chiến đấu                       | -                             | 729.214.330                   |
| Phải trả dài hạn khác đối với bên liên quan -<br>xem thêm mục 8  | 2.249.344.140                 | -                             |
| <b>Cộng</b>  | <b>2.249.344.140</b>          | <b>729.214.330</b>            |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nội dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.16. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

|   | Tại ngày 31/12/2019   |                       | Trong năm             |                       | Tại ngày 01/01/2019   |                       |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|   | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Tăng                  | Giảm                  | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
|   | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   |
| <b>Vay ngắn hạn</b>   |                       |                       |                       |                       |                       |                       |
| Vay bên liên quan - xem thêm mục 8 (1)                        | 717.343.002           | 717.343.002           | 685.400.553           | -                     | 31.942.449            | 31.942.449            |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng (2)                      | 23.786.448.309        | 23.786.448.309        | 35.123.048.309        | 50.034.745.000        | 38.698.145.000        | 38.698.145.000        |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân (3) | 14.920.143.000        | 14.920.143.000        | 24.854.143.000        | 18.313.809.000        | 8.379.809.000         | 8.379.809.000         |
| Ông Hoàng Văn Thắng   | -                     | -                     | -                     | 3.970.000.000         | 3.970.000.000         | 3.970.000.000         |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy                                      | -                     | -                     | -                     | 2.600.000.000         | 2.600.000.000         | 2.600.000.000         |
| Ông Nguyễn Văn Toàn   | -                     | -                     | 1.050.000.000         | 1.050.000.000         | -                     | -                     |
| Bà Trần Thị Như Thanh   | 300.000.000           | 300.000.000           | 900.000.000           | 600.000.000           | -                     | -                     |
| Bà Trần Thị Như Hải   | 500.000.000           | 500.000.000           | 500.000.000           | -                     | -                     | -                     |
| <b>Nợ dài hạn đến hạn trả:</b>                                |                       |                       |                       |                       |                       |                       |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng                          | 760.423.500           | 760.423.500           | 760.423.500           | 2.196.272.000         | 2.196.272.000         | 2.196.272.000         |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân     | 248.500.000           | 248.500.000           | -                     | 494.000.000           | 742.500.000           | 742.500.000           |
| <b>Cộng</b>   | <b>41.232.857.811</b> | <b>41.232.857.811</b> | <b>63.873.015.362</b> | <b>79.258.826.000</b> | <b>56.618.668.449</b> | <b>56.618.668.449</b> |
| <b>Vay dài hạn</b>  |                       |                       |                       |                       |                       |                       |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng                          | 999.445.000           | 999.445.000           | 1.305.000.000         | 1.156.673.500         | 851.118.500           | 851.118.500           |
| <b>Cộng</b>   | <b>999.445.000</b>    | <b>999.445.000</b>    | <b>1.305.000.000</b>  | <b>1.156.673.500</b>  | <b>851.118.500</b>    | <b>851.118.500</b>    |

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin bổ sung các khoản Vay và nợ thuê tài chính:

- (1) Vay Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn, đây là hợp đồng hỗ trợ vốn của Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn với Công ty Cổ phần Trường Sơn 532. Cụ thể như sau:
  - Mục đích vay: Hỗ trợ phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - Lãi suất: không lãi suất;
  - Phương thức đảm bảo: tín chấp.
- (2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 49940.19.301.50041.TD ngày 04/12/2019:
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - Hạn mức tín dụng: 195 tỷ đồng;
  - Thời hạn vay: 12 tháng;
  - Lãi suất: lãi suất thả nổi điều chỉnh theo từng lần nhận nợ;
  - Phương thức đảm bảo: thế chấp bằng khối lượng hình thành trong tương lai bằng giá trị khối lượng dở dang và hồ sơ thanh toán các khoản phải thu.
- (3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hải Vân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/242739/HĐTD ngày 08/09/2019:
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - Hạn mức tín dụng: 60 tỷ đồng;
  - Thời hạn vay: 12 tháng;
  - Lãi suất: lãi suất thả nổi điều chỉnh theo từng lần nhận nợ;
  - Phương thức đảm bảo: thế chấp bằng khối lượng hình thành trong tương lai bằng giá trị khối lượng dở dang và hồ sơ thanh toán các khoản phải thu.
- (4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 32855.16.50041.TD ngày 20/05/2016 và Hợp đồng tín dụng số 23611.17.301.50041.TD ngày 13/10/2017:
  - Mục đích vay: Mua dây chuyền máy nghiền đá sàng và máy móc linh kiện trong thi công cấp điện công trình;
  - Hạn mức tín dụng: 188 tỷ đồng;
  - Thời hạn vay: 48 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên;
  - Lãi suất: lãi suất thả nổi có điều chỉnh.
  - Phương thức đảm bảo: thế chấp bằng tài sản cố định bao gồm:
    - Dây chuyền máy nghiền sàng đá công suất 35 tấn/giờ hiệu 186-187 của Liên Xô đã qua sử dụng và các phụ kiện đi kèm;
    - Dây chuyền máy nghiền sàng đá công suất 100 tấn/giờ
    - Máy móc thiết bị, linh kiện trong thi công cấp điện công trình (máy biến áp 3 pha 35/0,4kV và tụ bù 300kVAR/0,4kV)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.17. Vốn chủ sở hữu****4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                            | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu |   |                               | Cộng<br>VND           |
|----------------------------|------------------------------------|---|-------------------------------|-----------------------|
|                            | Vốn góp của<br>chủ sở hữu<br>VND   | Quỹ hỗ trợ sắp xếp<br>doanh nghiệp<br>VND | LNST chưa<br>phân phối<br>VND |                       |
| Tại ngày 01/01/2018        | 38.518.800.000                     | 2.167.452.381                             | -                             | 40.686.252.381        |
| Lãi trong năm trước        | -                                  | -   | 969.315.999                   | 969.315.999           |
| Giảm trong năm trước       | -                                  | (2.167.452.381)                           | -                             | (2.167.452.381)       |
| Tại ngày 01/01/2019        | 38.518.800.000                     | -   | 969.315.999                   | 39.488.115.999        |
| Lãi trong năm nay          | -                                  | -   | 2.827.157.610                 | 2.827.157.610         |
| <b>Tại ngày 31/12/2019</b> | <b>38.518.800.000</b>              | <b>-</b>                                  | <b>3.796.473.609</b>          | <b>42.315.273.609</b> |

**4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|                                  | Tại ngày<br>31/12/2019<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2019<br>VND |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn | 26.392.240.000                | 26.392.240.000                |
| Các cổ đông khác                 | 12.126.560.000                | 12.126.560.000                |
| <b>Cộng</b>                      | <b>38.518.800.000</b>         | <b>38.518.800.000</b>         |

**4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

|                         | Năm 2019<br>VND       | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|-------------------------|-----------------------|--|
| Vốn góp đầu năm         | 38.518.800.000        | 38.518.800.000                                   |
| Vốn góp tăng trong năm  | -                     | -  |
| Vốn góp giảm trong năm  | -                     | -  |
| <b>Vốn góp cuối năm</b> | <b>38.518.800.000</b> | <b>38.518.800.000</b>                            |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.17.4.Cổ phiếu**

|  | Tại ngày<br>31/12/2019 | Tại ngày<br>01/01/2019 |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành  | 3.851.880              | 3.851.880              |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 3.851.880              | 3.851.880              |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 3.851.880              | 3.851.880              |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                      | -                      |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 3.851.880              | 3.851.880              |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 3.851.880              | 3.851.880              |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                      | -                      |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

**4.17.5.Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|  | Năm 2019<br>VND | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|--|-----------------|--|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 2.827.157.610   | 969.315.999                                      |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi                     | -               | -  |
| Số lượng CP phổ thông bình quân lưu hành trong năm | 3.851.880       | 3.851.880  |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                    | <b>734</b>      | <b>252</b>                                       |

**4.17.6.Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

|  | Năm 2019<br>VND | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|--|-----------------|--|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 2.827.157.610   | 969.315.999                                      |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi                     | -               | -  |
| Số lượng CP phổ thông bình quân lưu hành trong năm | 3.851.880       | 3.851.880  |
| Số lượng CP phổ thông dự kiến được phát hành thêm  | -               | -  |
| <b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>                  | <b>734</b>      | <b>252</b>                                       |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|  | Năm 2019<br>VND        | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|--|------------------------|--|
| Doanh thu từ hoạt động xây lắp                             | 148.837.371.854        | 163.999.333.462                                  |
| Doanh thu hoạt động bất động sản                           | -                      | 12.336.363.636                                   |
| Doanh thu bán đá thành phẩm và Doanh thu khác              | 5.537.372.255          | 6.767.028.613                                    |
| <b>Cộng</b>  | <b>154.374.744.109</b> | <b>183.102.725.711</b>                           |
| Trong đó, doanh thu đối với bên liên quan - Xem thêm mục 8 | 12.773.285.554         | 14.285.320.000                                   |

**5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

|                                   | Năm 2019<br>VND | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|-----------------------------------|-----------------|--|
| Quyết toán giảm doanh thu xây lắp | -               | 1.080.021.819                                    |
| <b>Cộng</b>                       | <b>-</b>        | <b>1.080.021.819</b>                             |

**5.3. Giá vốn hàng bán**

|   | Năm 2019<br>VND        | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|---|------------------------|--|
| Giá vốn hoạt động xây lắp               | 131.389.097.975        | 151.241.692.416                                  |
| Giá vốn hoạt động BĐS                   | -                      | 11.341.416.956                                   |
| Giá vốn đá thành phẩm và hoạt động khác | 4.925.513.603          | 5.662.418.348                                    |
| <b>Cộng</b>                             | <b>136.314.611.578</b> | <b>168.245.527.720</b>                           |

**5.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                            | Năm 2019<br>VND   | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|----------------------------|-------------------|--|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 72.328.722        | 70.712.346                                       |
| <b>Cộng</b>                | <b>72.328.722</b> | <b>70.712.346</b>                                |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.5. Chi phí tài chính**

|                 | Năm 2019<br>VND      | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|-----------------|----------------------|--|
| Chi phí lãi vay | 3.764.143.933        | 3.667.051.467                                    |
| <b>Cộng</b>     | <b>3.764.143.933</b> | <b>3.667.051.467</b>                             |

**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                           | Năm 2019<br>VND      | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|---------------------------|----------------------|--|
| Chi phí nhân viên         | 4.583.252.447        | 3.312.917.962                                    |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 174.923.684          | 528.769.007                                      |
| Chi phí khấu hao TSCĐ     | 314.047.751          | 858.049.568                                      |
| Thuế, phí và lệ phí       | 3.000.000            | 1.068.212.272                                    |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.323.867.342        | 126.748.960                                      |
| Chi phí bằng tiền khác    | 1.466.866.313        | 2.724.668.653                                    |
| <b>Cộng</b>               | <b>9.865.957.537</b> | <b>8.619.366.422</b>                             |

**5.7. Thu nhập khác**

|                              | Năm 2019<br>VND   | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|------------------------------|-------------------|--|
| Thu nhập từ xử lý công nợ    | 22.027.583        | -  |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản | -                 | 128.096.915                                      |
| Tiền bồi thường              | -                 | 1.319.366.015                                    |
| <b>Cộng</b>                  | <b>22.027.583</b> | <b>1.447.462.930</b>                             |

**5.8. Chi phí khác**

|                                    | Năm 2019<br>VND    | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|------------------------------------|--------------------|--|
| Phạt vi phạm hành chính            | 119.125.111        | -  |
| Chi phí sửa chữa duy tu công trình | 777.296.604        | 1.199.481.171                                    |
| Xử lý công nợ                      | 22.730.468         | -  |
| Chi phí khác                       | -                  | 80.881.134                                       |
| <b>Cộng</b>                        | <b>919.152.183</b> | <b>1.280.362.305</b>                             |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Năm 2019<br>VND        | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|----------------------------------|------------------------|--|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 79.977.160.009         | 36.329.782.865                                   |
| Chi phí nhân công                | 21.803.206.229         | 17.295.900.532                                   |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.618.513.359          | 4.287.649.966                                    |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 38.446.908.371         | 72.588.155.968                                   |
| Chi phí khác bằng tiền           | 25.083.611.076         | 45.441.768.251                                   |
| <b>Cộng</b>                      | <b>168.929.399.044</b> | <b>175.943.257.582</b>                           |

**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

|  | Năm 2019<br>VND    | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|--|--------------------|--|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 3.605.235.183      | 1.728.571.254                                    |
| Cộng các khoản điều chỉnh tăng   | 119.125.111        | 60.027.671                                       |
| - Chi phí phạt hành chính  | 119.125.111        | 60.027.671                                       |
| Trừ các khoản điều chỉnh giảm  | -                  | -  |
| Tổng thu nhập chịu thuế  | 3.724.360.294      | 1.788.598.925                                    |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 20%                | 20%  |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>       | <b>778.077.573</b> | <b>759.255.255</b>                               |
| <i>Trong đó:</i>   |                    |  |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này  | 744.872.059        | 357.719.785                                      |
| - Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này | 33.205.514         | 401.535.470                                      |

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

|   | Năm 2019<br>VND       | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|---|-----------------------|--|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 64.417.591.862        | 72.590.010.000                                   |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>64.417.591.862</b> | <b>72.590.010.000</b>                            |



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

|  | Năm 2019<br>VND       | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|--|-----------------------|--|
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 79.655.076.000        | 77.094.432.046                                   |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>79.655.076.000</b> | <b>77.094.432.046</b>                            |

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động xây lắp và sản xuất, khai thác đá thành phẩm. Tuy nhiên, doanh thu chính của Công ty đến từ hoạt động xây lắp. Do đó, Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

*Bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn  
Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Công ty mẹ  
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

|   | Tại ngày<br>31/12/2019<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2019<br>VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn</b>               |                               |                               |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng - Xem thêm mục 4.2   | 15.406.327.481                | 5.242.862.235                 |
| Phải thu dài hạn của khách hàng - Xem thêm mục 4.2    | -                             | 5.336.333.767                 |
| Người mua trả tiền trước dài hạn - Xem thêm mục 4.3   | 70.931.392.332                | 52.711.846.085                |
| Phải thu ngắn hạn khác - Xem thêm mục 4.4             | 9.403.959.517                 | -                             |
| Phải thu dài hạn khác - Xem thêm mục 4.4              | -                             | 8.659.196.360                 |
| Phải trả ngắn hạn khác - Xem thêm mục 4.15            | 1.333.216.565                 | 585.055.290                   |
| Phải trả dài hạn khác - Xem thêm mục 4.15             | 2.249.344.140                 | -                             |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn - Xem thêm mục 4.16 | 717.343.002                   | 31.942.449                    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với bên liên quan như sau:

- Đối với Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn: chủ yếu là Doanh thu hoạt động xây lắp

|  | Năm 2019<br>VND       | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|--|-----------------------|--|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 12.773.285.554        | 14.285.320.000                                   |
| <b>Cộng - Xem thêm mục 5.1</b>         | <b>12.773.285.554</b> | <b>14.285.320.000</b>                            |

- Đối với các thành viên quản lý chủ chốt, chủ yếu là chi phí lương, thù lao được hưởng trong năm và được chi tiết như sau:

|                           | Năm 2019<br>VND    | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|---------------------------|--------------------|--|
| Thù lao Hội đồng quản trị | 163.200.000        | 187.000.000                                      |
| Thu nhập Ban Giám đốc     | 625.572.200        | 609.032.808                                      |
| <b>Cộng</b>               | <b>788.772.200</b> | <b>796.032.808</b>                               |

**9. THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT**

|                       | Năm 2019<br>VND   | Từ ngày 02/02/2018<br>đến ngày 31/12/2018<br>VND |
|-----------------------|-------------------|--|
| Thù lao Ban kiểm soát | 48.000.000        | 44.000.000                                       |
| <b>Cộng</b>           | <b>48.000.000</b> | <b>44.000.000</b>                                |

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Vũ Đức Dũng  
Giám đốc  
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Bùi Xuân Chiến  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Toàn  
Người lập

